

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HS-PT  
Ngày: 26/7/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Thu

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân

2/ Ông Lương Phước Đại

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Lương Quang T, Trần T1 G, Hồ Đình L, Đình Công T1, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn M, Huỳnh Thanh T, Ngô Hữu Q và Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Lương Quang T**, sinh năm 1978 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; con ông Lương Quang Y (chết) và bà Lê Thị S, sinh năm 1944 (sống); anh, chị, em có 03 người, lớn sinh năm 1972, nhỏ sinh năm 1980; vợ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982; con có 01 người, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 07/10/2019, bị Công an huyện Phong Điền xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đánh bài) – nộp phạt xong ngày 07/10/2019.

**2. Trần Thanh G**, sinh năm 1987 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Thanh H, sinh năm 1954 (sống) và bà Nguyễn Thị Mỹ N (chết); anh, chị, em có 02 người, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1984; vợ Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1990; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ

nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 29/12/2017, bị Công an xã Mỹ K, huyện Phong Điền xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bài – nộp phạt xong ngày 19/01/2018; ngày 18/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xử phạt 20.000.000 đồng về tội Đánh bạc (theo Bản án số 37/2018/HSST) – nộp phạt xong tháng 12/2019.

**3. Hồ Đình L**, sinh năm 1989 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Mỹ N, xã Mỹ K, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 10/12; con ông Hồ Văn B, sinh năm 1970 (sống) và bà Võ Thị C, sinh năm 1970 (sống); vợ Lê Thị Hồng T, sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 18/3/2013 bị Công an huyện Phong Điền xử phạt 1.200.000 đồng về hành vi đánh bạc (đá gà) – nộp phạt xong ngày 01/4/2013.

**4. Đinh Công T1**, sinh năm 1974 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; con ông Đinh Công T (chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1934 (sống); anh, chị, em có 08 người, lớn sinh năm 1953, nhỏ sinh năm 1978; vợ Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1983; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

**5. Trần Văn Út E**, sinh năm 1984 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1939 (sống); anh, chị, em có 05 người, lớn sinh năm 1960, nhỏ sinh năm 1970; vợ Nguyễn Hằng N, sinh năm 1987; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

**6. Trần Phước L**, sinh năm 1963 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 3/12; con ông Trần Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); anh, chị, em có 03 người, lớn sinh năm 1961, nhỏ sinh năm 1969; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 17/4/2012 bị Công an huyện Phong Điền xử phạt 1.000.000 đồng về lĩnh vực an ninh trật tự.

**7. Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1987 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (sống) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 (sống); anh, chị, em có 02 người, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1983; vợ Nguyễn Thị Kha L, sinh năm 1992; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

**8. Nguyễn Văn M**, sinh năm 1972 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); anh, chị, em có 05 người, lớn sinh năm 1968, nhỏ sinh năm 1976; vợ Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1976; con có 01 người, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: ngày 04/3/2021, bị Công an xã Nhơn N, huyện Phong Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 29/7/2021. Nhân thân: ngày 21/4/1993 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản của công dân”, chấp hành xong ngày 25/11/1993 (theo Bản án số 24/HSST).

**9. Huỳnh Thanh T3**, sinh năm 1983 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; con ông Huỳnh Văn Minh N, sinh năm 1960 (sống) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 (sống); anh, chị, em có 03 người, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1985; chồng Lương Quang Y, sinh năm 1980; con có 01 người, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

**10. Ngô Hữu Q**, sinh năm 1985 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 7/12; con ông Ngô Hữu C, sinh năm 1955 (sống) và bà Đinh Thị D, sinh năm 1959 (sống); anh, chị, em có 02 người, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không.

**11. Lê Văn N**, sinh năm 1984 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Nhơn P A, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 01/12; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1960 (sống) và bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1960 (sống); anh, chị, em có 03 người, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1991; vợ Lê Kim K, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không.

Các bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; *Có mặt.*

*Trong vụ án* còn có người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 26/7/2021, lực lượng Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ tiến hành kiểm tra phát hiện bắt quả tang điểm lác tài xỉu được ăn thua bằng tiền tại nhà của Lương Quang T thuộc ấp Nhơn H A, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ gồm Trần Thanh G, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Thanh T2, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Đinh Công T1, Nguyễn Văn M, Ngô Hữu Q, Lê Văn N, Hồ Đình L và Lương Quang H.

\* Vật chứng thu giữ:

- 01 bộ lắc tài xỉu gồm: 01 cái chén bằng sứ, 03 hột xí ngầu, 01 nắp nhựa dùng để đậy cái chén đựng ba hột xí ngầu, 02 cây bài tây (01 cây sáu nút và 01 cây một nút) và 07 điện thoại di động các loại;

- Tiền thu giữ tại chiếu bạc: 3.600.000 đồng và tiền xung quanh chiếu bạc: 3.234.000 đồng, trong đó của Huỳnh Thanh T 1.884.000 đồng; 1.350.000 đồng trong cuốn tập trên đầu tủ lạnh của Lương Hồng T;

- Tiền thu giữ trên người các đối tượng: 23.897.000 đồng, cụ thể: Huỳnh Thanh T 64.000 đồng; Nguyễn Thanh T2 1.200.000 đồng; Trần Văn Út E 558.000 đồng; Trần Phước L 3.198.000 đồng; Nguyễn Văn M 241.000 đồng; Đinh Công T1 1.700.000 đồng; Lê Văn N 34.000 đồng; Hồ Đình L 16.902.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Lương Quang T và Trần Thanh G tổ chức cho các đối tượng đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền tại nhà của T được hai ngày trước khi bị bắt. Vai trò cụ thể: T sử dụng nhà của mình để lôi kéo các đối tượng đến tham gia lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền, chuẩn bị 02 cây bài tây (01 cây sáu nút và 01 cây một nút) với mục đích để thu tiền xâu của người làm cái là mỗi một giờ lấy 200.000 đồng, trong quá trình làm cái nếu nhà cái “Bão” tức là ăn một bên, hòa một bên thì chia đôi số tiền ăn được cho T; còn G là người trực tiếp ở tại chiếu bạc để lấy tiền xâu, sau khi kết thúc G đưa tiền xâu thu được trong ngày lại cho T và T chia cho G tùy theo số lượng tiền xâu trong ngày thu được nhiều hay ít.

Vào trưa ngày 26/7/2021, Hồ Đình L điện thoại cho T hỏi có chơi lắc tài xỉu không để đến tham gia, T nói đang chơi rồi kêu L đến nhà T chơi tài xỉu, sau đó T điện thoại kêu G đến nhà T để lấy tiền xâu. Khi đến nhà T, L mang theo bộ dụng cụ dùng để lắc tài xỉu gồm có: 01 cái chén bằng sứ, 03 hột xí ngầu, 01 nắp nhựa dùng để đậy cái chén đựng ba hột xí ngầu. Vị trí lắc tài xỉu là khu nhà bếp của T.

Các bị cáo tham gia chơi lắc tài xỉu cụ thể như sau:

1) Hồ Đình L là người làm cái cho các “con bạc” tham gia đặt tiền, L giao ước một bên tài, một bên xỉu mỗi ván đặt không quá 500.000 đồng. L mang theo 18.400.000 đồng để làm cái tham gia chơi tài xỉu, L lấy ra trước 1.500.000 đồng để chung chi, làm cái được khoảng 60 ván và ăn được 1.000.000 đồng thì Công an kiểm tra, L rút số tiền 2.500.000 đồng xuống nền gạch. Tổng tiền xâu đưa cho G là 800.000 đồng. Còn lại 16.902.000 đồng (BL 230 - 233).

2) Trần Thanh G mang theo 400.000 đồng có đặt 04 ván mỗi ván 100.000 đồng và đã thua hết, sau đó đứng cạnh sòng tài xỉu để thu tiền xâu (BL 226 – 227).

3) Đinh Công T1 mang theo số tiền 2.000.000 đồng để đặt tài xỉu, trong lúc đặt có lấy ra 500.000 đồng để chơi thua hết 300.000 đồng, khi Công an kiểm

tra còn lại 200.000 đồng cầm trên tay bỏ vào túi. Số tiền còn lại là 1.700.000 đồng (BL 259 – 260).

4) Trần Văn Út E đem theo 608.000 đồng để chơi tài xỉu, đặt được 01 ván 50.000 đồng thua, còn lại 558.000 đồng (BL 253 – 254).

5) Trần Phước L mang theo 3.598.000 đồng, trong đó 3.500.000 đồng dùng để đặt tài xỉu, còn lại 98.000 đồng là tiền có sẵn ở túi quần không nhớ để vào lúc nào, trong lúc đặt tài xỉu có ăn có thua, khi bị Công an kiểm tra thì L ăn được 200.000 đồng, lúc đó L cầm trên tay 600.000 đồng bỏ xuống nền gạch. Khi kiểm tra trên người của L còn số tiền 3.198.000 đồng, trong đó có 98.000 đồng là tiền cá nhân không sử dụng để chơi tài xỉu, còn lại 3.100.000 đồng là tiền chơi tài xỉu (BL 284 – 285).

6) Nguyễn Thanh T2 mang theo số tiền 1.000.000 đồng để chơi tài xỉu, trong lúc đặt có ăn có thua, khi Công an kiểm tra thì T2 ăn được 200.000 đồng, tổng cộng là 1.200.000 đồng (BL 247 – 248).

7) Nguyễn Văn M mang theo số tiền 241.000 đồng để chơi tài xỉu, đặt 01 ván 50.000 đồng thua nhưng do L không có tiền thôi nên thiếu lại, khi Công an kiểm tra vẫn còn 241.000 đồng (BL 276a – 277).

8) Huỳnh Thanh T3 mang theo số tiền 2.084.000 đồng để chơi tài xỉu, đặt được hai ván thua hết 200.000 đồng, còn lại 1.884.000 đồng số tiền này dùng để chơi tài xỉu ăn tiền, khi Công an kiểm tra thì tiền rút ra nên lấy để ở phía sau lưng, còn lại 64.000 đồng thu giữ trên người là tiền bán cà phê (BL 242 – 243).

9) Ngô Hữu Q mang theo 400.000 đồng để chơi tài xỉu, trong lúc đặt tiền có ăn có thua, khi lực lượng Công an kiểm tra thì Q đã thua hết, kiểm tra trên người của Q không có tiền (BL 265 – 266).

10) Lê Văn N mang theo 334.000 đồng, trong lúc đặt tài xỉu có ăn có thua, khi Công an kiểm tra thì N thua hết 300.000 đồng, còn lại 34.000 đồng là tiền dùng để chơi tài xỉu ăn tiền (BL 269 – 270)

Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 29.219.000 đồng bao gồm tiền thu trên chiếu bạc 5.484.000 đồng và tiền thu trên người các bị cáo là 23.735.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 1.350.000 đồng cho Lương Hồng T, 98.000 đồng cho Trần Phước L, 64.000 đồng cho Huỳnh Thanh T và 05 điện thoại di động các loại cho Trần Văn Út E, Trần Phước L, Ngô Hữu Q, Lê Văn N và Nguyễn Văn M do không liên quan đến vụ án.

Đối với Lương Quang H không có tham gia chơi lắc tài xỉu nên không xử lý, riêng điện thoại di động (kèm sim số 0931511877) của Lương Quang T không thu hồi được, do lúc truy bắt T chạy rút mất.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Lương Quang T, Trần Thanh G, Hồ Đình L, Đinh Công T1, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn M, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Lê Văn N thừa nhận toàn bộ

hành vi tổ chức chơi lắc tài xỉu và tham gia chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền trái phép.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HSST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã quyết định:

*Tuyên bố:* Các bị cáo Lương Quang T, Trần Thanh G phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Hồ Đình L, Trần Thanh G, Đinh Công T1, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn M, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Lê Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng:

- Điểm b, c Khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lương Quang T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Điểm b, c khoản 1, 3 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Thanh G** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Thanh G phải chấp hành hình phạt là 02 (hai) năm tù. Phạt bổ sung bị cáo G 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Hồ Đình L** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo L 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đinh Công T1** 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Văn Út E** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Phước L** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T2** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh T3** 05 (năm) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Ngô Hữu Q** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn N** 05 (năm) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 25/02/2022 bị cáo Huỳnh Thanh T3 kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; ngày 28/02/2022 bị cáo Trần Thanh G kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; ngày 28/02/2022 bị cáo Lương Quang T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt tiền; ngày 28/02/2022 bị cáo Lê Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 01/3/2022, bị cáo Hồ Đình L kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung; ngày 01/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 03/3/2022, các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1 kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 04/3/2022, bị cáo Trần Phước L kháng cáo xin được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

*Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đều cho rằng đã rất ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên mong được xem xét để có cơ hội phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc gia đình và trở thành công dân tốt (trong lời nói sau cùng).*

*Kiểm sát viên* phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ theo quy định; mức án đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về điều chỉnh lại mối quan hệ nhân thân:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn M cung cấp giấy khai sinh của cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 26/12/2015 thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1976; đồng thời bị cáo cũng xác định họ tên của vợ bị cáo là Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1976 và xác định người tên Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976 không có mối quan hệ nhân thân nào với bị cáo. Để đảm bảo việc xác định mối quan hệ nhân thân của bị cáo cần điều chỉnh vấn đề này trong lý lịch của bị cáo Nguyễn Văn M.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Lương Quang T và bị cáo Trần Thanh G thống nhất thỏa thuận, T sử dụng nhà ở của mình để các con bạc đến tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức lặt tài xỉu nhằm thu lợi bất chính. G đảm nhận nhiệm vụ thu tiền xâu đưa lại cho T, T sẽ chia lại tiền cho G.

Ngày 26/7/2021, lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện Phong Điền bắt quả tang Hồ Đình L, Trần Thanh G, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Thanh T2, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Đinh Công T1, Nguyễn Văn M, Ngô Hữu Q và Lê Văn N có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức lặt tài xỉu tại nhà của T, trong đó Hồ Đình L làm cái, các bị cáo còn lại tham gia đặt cược.

Quá trình điều tra đã làm rõ xác định được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 29.219.000 đồng, bao gồm: tiền thu trên chiếu bạc là 5.484.000 đồng và thu trên người các bị cáo là 23.735.000 đồng.

Với những hành vi nêu trên, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Lương Quang T và Trần Thanh G về tội “Tổ chức đánh bạc” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Hồ Đình L, Trần Thanh G, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Thanh T2, Trần Văn Út E, Trần Phước L, Đinh Công T1, Nguyễn Văn M, Ngô Hữu Q và Lê Văn N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù, bản thân các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi tổ chức đánh bạc/đánh bạc (lặt tài xỉu) trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đặc biệt nhấn mạnh rằng, thời gian các bị cáo phạm tội là trong giai đoạn thực hiện Chỉ thị 16 của Chính phủ về giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19, nhưng các bị cáo không tuân thủ quy định mà chỉ vì thỏa mãn việc ăn thua cờ bạc, sát phạt đồ đen các bị cáo vẫn tập trung đông người làm ảnh hưởng đến tình hình chống dịch tại địa phương. Nên cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm



tội để cải tạo, giáo dục các bị cáo; đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Lương Quang T kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc được áp dụng hình phạt tiền. Với vai trò là người trực tiếp chuẩn bị nơi ở của mình để lôi kéo các bị cáo khác đến tham gia đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, bị cáo cũng là người trực tiếp thỏa thuận tỷ lệ ăn chia, thu tiền xâu với bị cáo Hồ Đình L và cũng là người phân công bị cáo Trần Thanh G thực hiện việc thu tiền xâu giao lại cho bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo còn có nhân thân xấu khi đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Xét hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới làm tình tiết giảm nhẹ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Trần Thanh G kháng cáo xin được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, với lý do: hoàn cảnh gia đình neo đơn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo là gia đình chính sách, có công với Cách mạng. Mặc dù, đối với tài liệu bị cáo cung cấp tại cấp phúc thẩm về bản thân bị bệnh HIV sức khỏe yếu và gia đình có công Cách mạng (cha là cán bộ hưu trí có 40 năm tuổi Đảng, ông ngoại là liệt sĩ, bà nội/bà ngoại được tặng Huân chương kháng chiến, bà cóc là Bà mẹ Việt Nam anh hùng). Điều này thể hiện gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng là nghĩa cử cao đẹp được Đảng, Nhà nước luôn trân trọng và tri ân; đồng thời, bản thân bị cáo bị bệnh xã hội ảnh hưởng phần nào đến sức khỏe nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo vừa là đồng phạm cùng bị cáo T tổ chức đánh bạc, bởi lẽ bị cáo là người trực tiếp nhận tiền xâu và giao lại cho T để được T chia tiền nhằm hưởng lợi bất chính; bị cáo còn trực tiếp tham gia đặt cược và thua hết số tiền 400.000 đồng. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xử phạt 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” vào năm 2018, lẽ ra phải lấy đó làm bài học để tự cảnh tỉnh mình nhưng bị cáo vẫn tiếp tục sa đà vào những trò đỏ đen nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc hơn để bị cáo nhận thức và biết sống đặt mình vào khuôn khổ pháp luật. Cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo giữ vai trò thấp hơn bị cáo T nên xử phạt mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” là có căn cứ và tương xứng.

Bị cáo Hồ Đình L kháng cáo xin được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung. Đánh giá vai trò của bị cáo trong vụ án, bị cáo là người chủ động liên hệ với bị cáo T với mục đích sử dụng nhà của T để làm địa điểm đánh bạc, bị cáo còn chủ động chuẩn bị sẵn các dụng cụ để đánh bạc; đồng thời, cũng chính bị cáo là người trực tiếp đứng ra làm “cái” cho các con bạc khác tham gia cá cược. Việc bị cáo cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được miễn hình phạt bổ sung là không có cơ sở khi chính bị cáo đã xác định dự định sử dụng toàn bộ số tiền 18.400.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bản thân bị cáo cũng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Các tình tiết mà bị cáo nêu trong đơn đã được cấp sơ thẩm xem xét toàn diện khi lượng hình nên không có cơ sở chấp

nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin được hưởng án treo. Mặc dù trong vụ án này, bị cáo chỉ sử dụng 241.000 đồng đánh bạc nhưng do bị cáo có một tiền sự cũng về hành vi đánh bạc (xử phạt ngày 04/3/2021, đóng phạt ngày 29/7/2021) nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo cao hơn so với những bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc là có cơ sở.

Bị cáo Trần Phước L kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do xin được chiếu cố do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ được bị cáo là người sử dụng số tiền đánh bạc cao thứ hai trong vụ án, chỉ sau bị cáo L (bị cáo mang theo số tiền 3.500.000 đồng để đánh bạc); bản thân bị cáo trước đây cũng đã từng bị xử phạt hành chính, nay đã được xóa án tích. Đối với những lý do mà bị cáo nêu trong đơn kháng cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét và cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo đúng quy định nên mức án 07 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1; kháng cáo xin được áp dụng hình phạt tiền của bị cáo Huỳnh Thanh T3 và kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N; qua xem xét hồ sơ cùng những tài liệu kèm theo đơn kháng cáo, những lý do mà các bị cáo nêu trong đơn không phải là căn cứ để làm cơ sở giảm nhẹ hình phạt. Mặt khác, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng, đảm bảo đủ tính răn đe và nhân đạo của pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Quang T, Trần Thanh G, Hồ Đình L, Nguyễn Văn M, Trần Phước L, Lê Văn N, Nguyễn Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

## 2. Tuyên bố:

- Các bị cáo Lương Quang T và Trần Thanh G phạm tội “**Tổ chức đánh bạc**”.

- Các bị cáo Hồ Đình L, Nguyễn Văn M, Trần Phước L, Lê Văn N, Nguyễn Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1 phạm tội “**Đánh bạc**”.

2.1. Căn cứ: điểm b, c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17 và 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lương Quang T** 02 (Hai) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2.2. Căn cứ: điểm b, c khoản 1, 3 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh G** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 02 (Hai) năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.3. Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Đình L** 12 (Mười hai) tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2.4. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M** 08 (Tám) tháng tù.

2.5. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Phước L** 07 (Bảy) tháng tù.

2.6. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 54 và 38 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn N** 05 (Năm) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T2** 04 (Bốn) tháng tù.

2.7. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh T3** 05 (Năm) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo **Ngô Hữu Q** 04 (Bốn) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Út E** 04 (*Bốn*) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo **Đinh Công T1** 03 (*Ba*) tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Phước L, Lê Văn N, Nguyễn Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của mỗi bị cáo tính từ ngày chấp hành án.

3. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Lương Quang T, Trần Thanh G, Hồ Đình L, Nguyễn Văn M, Trần Phước L, Lê Văn N, Nguyễn Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Ngô Hữu Q, Trần Văn Út E và Đinh Công T1 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND CC tại Tp. HCM;
- Viện KSND Tp. Cần Thơ;
- Cơ quan tiến hành tố tụng H. Phong Đ;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang Thư**